

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

CONG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 164 /2017/CV-TCKH

V/v: Công bố báo cáo tài chính quý 1/2017
và giải trình lợi nhuận sau thuế quý 1/2017
so với quý 1/2016.

Lào Cai, ngày 17 tháng 04 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2
2. Mã chứng khoán: ND2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B Đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0203 501 540 Fax: 0203 906 661
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Công bố thông tin báo cáo tài chính quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31/03/2017 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC kèm theo.
 - 6.2 Công bố thông tin về văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 1/2017 so với lợi nhuận sau thuế quý 1/2016 kèm theo.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính quý 1/2017 của Công ty và văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế quý 1/2017 so với lợi nhuận sau thuế quý 1/2016 Tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.

Người đại diện theo Pháp luật *th*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện
Miền Bắc 2

Báo cáo tài chính
ngày 31 tháng 03 năm 2017

Lào Cai, ngày tháng 04 năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

**Giấy chứng nhận đăng ký
kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 9 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 8 tháng 9 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Điệp

Chủ tịch

Ông Ứng Hồng Vận

Thành viên

Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Thành viên

Ông Nguyễn Thành Phương

Thành viên

(từ ngày 03 tháng 02 năm 2016)

Bà Đồng Thị Lan

Thành viên

(từ ngày 25 tháng 03 năm 2016)

Ông Nguyễn Thanh Hoàn

Thành viên

(từ ngày 4 tháng 2 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Ứng Hồng Vận

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Đăng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Vĩnh Hào

Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 64B, Đường Phan Đình Phùng
Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014 TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		65.885.270.339	149.725.831.359
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		21.233.482.203	36.850.758.156
Tiền	111		1.233.482.203	808.521.700
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	36.042.236.456
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			65.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			65.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.506.657.063	29.262.113.825
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		16.589.276.143	14.574.897.129
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.241.164.296	3.207.090.458
Phải thu ngắn hạn khác	136		4.676.216.624	11.480.126.238
Hàng tồn kho	140		19.099.651.051	18.352.458.685
Hàng tồn kho	141		19.099.651.051	18.352.458.685
Tài sản ngắn hạn khác	150		45.480.022	260.500.693
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			215.020.671
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		45.480.022	45.480.022
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		1.842.898.153.252	1.859.039.312.522
Tài sản cố định	220		1.824.713.349.795	1.842.510.667.439
Tài sản cố định hữu hình	221		1.824.713.349.795	1.842.510.667.439
Nguyên giá	222		1.981.111.832.210	1.981.111.832.210
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.398.482.415)	(138.601.164.771)
Tài sản cố định thuê tài chính	227			-
Nguyên giá	228			-
Giá trị hao mòn lũy kế	229			-
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.847.796.360	4.797.657.322
Xây dựng cơ bản dở dang	242		5.847.796.360	4.797.657.322
Tài sản dài hạn khác	260		12.337.007.097	11.730.987.761
Chi phí trả trước dài hạn	261		12.337.007.097	11.730.987.761
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.908.783.423.591	2.008.765.143.881

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.460.084.472.687	1.520.230.012.525
Nợ ngắn hạn	310		126.641.405.314	186.786.945.152
Phải trả người bán ngắn hạn	311		3.438.124.605	9.137.996.517
Thuế phải nộp Nhà nước	313		8.112.242.022	4.655.365.319
Phải trả người lao động	314		988.931.820	9.003.417.061
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		13.619.719.493	12.949.891.057
Phải trả ngắn hạn khác	319		25.463.038.487	7.241.106.251
Vay ngắn hạn	320		72.444.139.841	142.728.291.256
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.575.209.046	1.070.877.691
Nợ dài hạn	330		1.333.443.067.373	1.333.443.067.373
Phải trả dài hạn khác	337		21.000.000	21.000.000
Vay dài hạn	338		1.333.422.067.373	1.333.422.067.373
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		448.698.950.904	488.535.131.356
Vốn chủ sở hữu	410		448.698.950.904	488.535.131.356
Vốn cổ phần	411		415.296.507.633	415.296.507.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.296.507.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15	22.759.993.271	62.596.173.723
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37.858.732.383	24.837.625.468
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(15.098.739.112)	37.758.548.255
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.908.783.423.591	2.008.765.143.881

Người lập:



Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Đình Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ung Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo kết quả kinh doanh kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	01		51.090.599.620	65.827.664.834	51.090.599.620	65.827.664.834
Giá vốn hàng bán	11		30.085.428.878	25.955.350.300	30.085.428.878	25.955.350.300
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		21.005.170.742	39.872.314.534	21.005.170.742	39.872.314.534
Doanh thu hoạt động tài chính	21		198.532.978	87.100.043	198.532.978	87.100.043
Chi phí tài chính	22		31.995.930.137	36.142.155.605	31.995.930.137	36.142.155.605
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>31.771.273.042</i>	<i>33.440.686.081</i>	<i>31.771.273.042</i>	<i>33.440.686.081</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.324.561.134	3.724.435.172	4.324.561.134	3.724.435.172
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		(15.116.787.551)	92.823.800	(15.116.787.551)	92.823.800
Thu nhập khác	31		18.048.439	3.430.925	18.048.439	3.430.925
Chi phí khác	32		-	-	-	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		18.048.439	3.430.925	18.048.439	3.430.925
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(15.098.739.112)	96.254.725	(15.098.739.112)	96.254.725
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		(15.098.739.112)	96.254.725	(15.098.739.112)	96.254.725
Lãi trên cổ phiếu			-	-	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(346)	2	(346)	2

Người lập:



Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp



Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ông Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp- tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	Năm nay	đến cuối quý này	Năm Trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận trước thuế	01		(15.098.739.112)			96.254.725
Điều chỉnh cho các khoản						
Khấu hao và phân bổ	02		17.797.317.644			86.973.991.422
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04					
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(20.252.159)			(87.100.043)
Chi phí lãi vay	06		31.771.273.042			33.440.686.081
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		34.449.599.415			120.423.832.185
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		25.551.056.243			65.909.857.156
Biến động hàng tồn kho	10		(747.192.366)			(12.455.580.787)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		2.835.763.428			(31.969.530.344)
Biến động chi phí trả trước	12		(956.019.336)			660.371.189
Tiền lãi vay đã trả	13		(31.771.273.042)			(34.766.871.796)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(874.314.615)			3.430.925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.487.619.727			107.805.508.528
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(1.050.139.038)			(177.258.255.068)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		-			-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.000.000.000)			-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.252.159			87.100.043

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp- tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm Năm nay	đến cuối quý này Năm Trước
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.029.886.879)	(177.171.155.025)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		29.478.474.209	55.382.513.476
Tiền trả nợ gốc vay	34		(87.131.761.479)	(4.998.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(109.510.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(57.762.797.270)	50.384.513.476
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(50.305.064.422)	(18.981.133.021)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		71.538.546.625	71.538.546.625
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70		21.233.482.203	52.557.413.604

Người lập:

Lâm Thị Hà
 Kế toán tổng hợp

Đinh Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ứng Hồng Vận
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“NEDI2”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- mua bán vật liệu xây dựng;
- tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát chính thức đi vào hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017, Công ty có 99 nhân viên.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh số 4(a)); và
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh số 4(m)).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty bắt đầu hoạt động. Khi Công ty bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng, các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần có liên quan được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện hoặc vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ công trình thủy điện | 35 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 5 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không phải trích khấu hao.

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí đã trả của các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ báo gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) **Doanh thu từ bán điện**

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu chỉ bao gồm tiền bán điện do Nhà máy thủy điện Ngòi Phát sản xuất ra. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

(ii) **Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(m) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(n) Các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2016	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	429.940.075	101.832.344
Tiền gửi ngân hàng	803.542.128	2.455.581.260
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	50.000.000.000
	21.233.482.203	52.557.413.604

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu người lao động	4.144.794	9.991.353
Tạm ứng	2.658.000.972	3.297.617.899
Phải thu khác	2.014.070.858	8.172.516.986
	4.676.216.624	11.480.126.238

8. Hàng tồn kho

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	756.758.809	-	498.317.422	-
Công cụ và dụng cụ	18.342.892.242	-	11.957.263.365	-
	19.099.651.051	-	12.455.580.787	-

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nguyên giá					Tổng cộng VND
	Công trình thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND		
Số dư đầu năm	1.407.830.000.000	66.050.958	562.519.611.934	3.674.230.305	1.974.089.893.197	
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm	1.407.830.000.000	66.050.958	562.519.611.934	3.674.230.305	1.974.089.893.197	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	136.629.763.173	72.134.292	376.369.885	1.522.897.421	138.601.164.771	
Khấu hao trong năm	17.749.648.023	4.314.654	3.779.545	39.575.422	17.797.317.644	
Số dư cuối năm	154.379.411.196	76.448.946	380.149.430	1.562.472.843	156.398.482.415	
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.276.432.474.827	(6.083.333)	562.474.242.048	3.610.033.897	1.842.510.667.439	
Số dư cuối năm	1.258.682.826.804	(10.397.987)	562.470.462.503	3.570.458.475	1.824.713.349.795	

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	2.070.506.683	7.625.220.374
Công trình Khu đô thị thương mại Thủy Hoa	2.391.822.749	2.391.822.749
Dự án Ngòi Phát mở rộng	694.557.838	36.363.636
Dự án suối Chăn	690.909.090	690.909.090
	5.847.796.360	10.744.315.849

11. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Số có khả	Giá gốc	Số có khả
	VND	năng trả nợ	VND	năng trả nợ
		VND		VND
Công ty Cổ phần Vimeco	1.138.267.607	257.602.196	12.314.837.833	12.314.837.833
Công ty TNHH tư nhân Andritz Hydro	100.653.672	1.861.291.305	11.005.104.209	11.005.104.209
Công ty TNHH Xây dựng và lắp đặt thủy điện tỉnh Triết Giang	758.747.815	-	11.337.471.496	11.337.471.496
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	875.218.692	-	879.933.310	879.933.310
Các nhà cung cấp khác	1.064.159.321	1.818.153.606	5.756.901.928	5.756.901.928
	3.937.047.107	3.937.047.107	41.294.248.776	41.294.248.776

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối quý
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.663.371.928	4.907.622.061	4.449.195.455	3.121.798.534
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
- Thuế TNDN	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	89.863.554	1.154.291.450	108.823.872	1.135.331.132
- Thuế tài nguyên	1.174.105.644	4.888.402.221	2.935.419.702	3.127.088.163
- Các loại thuế khác	728.024.193	-	-	728.024.193
Cộng	4.655.365.319	10.950.315.732	7.493.439.029	8.112.242.022

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Lãi vay phải trả		
Chi phí phải trả cho tài sản cố định hữu hình		
Chi phí khác	13.619.719.493	21.236.682.711
	13.619.719.493	21.236.682.711

14. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Kinh phí công đoàn	139.048.246	136.120.205
Bảo hiểm xã hội	109.627.440	105.746.584
Bảo hiểm y tế	18.973.980	15.324.678
Bảo hiểm thất nghiệp	8.352.880	6.810.968
Các khoản phải trả khác	25.104.058.487	4.840.703.646
	25.380.061.033	5.104.706.081

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.000.000	203.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000	8.628.956.068	1.738.390.092	436.306.303.793
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	67.789.256.393	67.789.256.393
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(8.628.956.068)	-	(8.628.956.068)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	415.296.507.633	10.642.450.000		62.596.173.723	488.535.131.356
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-		(6.098.739.112)	(6.098.739.112)
Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách				(792.881.990)	(792.881.990)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi				(2.378.645.970)	(2.378.645.970)
Cổ tức				(20.764.825.380)	(20.764.825.380)
Giảm khác				(801.088.000)	(801.088.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 03 năm 2017	415.296.507.633	10.642.450.000		31.759.993.271	457.698.950.904

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		3.559.339.780
Lãi tiền gửi	198.532.978	310.091.098
	198.532.978	3.869.430.878

17. Chi phí tài chính

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	31.771.273.042	144.085.379.535
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		7.943.844.186
Phí bảo lãnh cho các khoản vay		
Chi phí tài chính khác	224.657.095	347.140.157
	31.995.930.137	152.376.363.878

18. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.759.533.181	1.554.358.402
Chi phí nguyên vật liệu	73.450.782	41.575.791
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	23.447.380	42.884.000
Chi phí khấu hao	481.519.752	662.179.749
Chi phí thuế, phí và lệ phí	114.040.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.538.437	368.374.150
Chi phí khác	1.701.379.316	1.055.063.080
	4.286.908.848	3.724.435.172

Người lập:

Lâm Thị Hà
Kế toán tổng hợp

Đinh Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Số: 163 CBTT/2017/ND2

V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế quý 1/2017 so với quý 1/2016.

Lào Cai, ngày 17 tháng 04 năm 2017

GIẢI TRÌNH CHÈNH LỆCH LỢI NHUẬN SAUTHUẾ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 mã chứng khoán ND2 trân trọng gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Quý Sở lời chào trân trọng nhất.

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1 năm 2017 kết thúc ngày 31/03/2017 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 trong đó, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 1 năm 2017 so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 1 năm 2016 có sự thay đổi từ 10% trở lên, Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

Quý 1 năm 2017 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp âm: - 15.098.739.112 đồng; Quý 1 năm 2016 là: 96.254.725 đồng, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 1 năm 2017 giảm so với lợi nhuận quý 1 năm 2016:

Nguyên nhân giảm do:

1. Là doanh nghiệp sản xuất điện (thủy điện) doanh thu sản xuất điện hoàn toàn phụ thuộc vào thủy văn theo mùa. Thủy văn quý 1/2017 mưa ít hơn so với thủy văn quý 1/2016 đã làm cho sản lượng điện quý 1/2017 giảm so với sản lượng điện quý 1/2016.
2. Doanh thu bán điện Quý 1/2017 là: 51.090.599.620 đồng, doanh thu bán điện quý 1/2016 là: 65.827.664.834 đồng. Do vậy, doanh thu bán điện quý 1/2017 giảm so với doanh thu bán điện quý 1/2016 là: 14.737.065.214 đồng tương đương giảm 22,39% doanh thu bán điện.
3. Giá vốn hàng bán quý 1/2017 tăng so với giá vốn hàng bán quý 1/2016 4.130.078.578 đồng do chi phí trung tu các tổ máy và các chi phí đầu tư khác cho nhà máy.
4. Chi phí tài chính quý 1/2017 giảm so với chi phí tài chính quý 1/2016 là 4.146.225.468 đồng, chi phí lãi vay giảm hàng năm do trả nợ gốc vay và giảm chi phí tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh do doanh nghiệp đã cân đối dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bốn nguyên nhân chủ yếu trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế quý 1/2017 giảm (âm) -15.098.739.112 đồng so với lợi nhuận sau thuế quý 1/2016.

Trên đây là nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2017 giảm (âm) so với kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2016 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, TCKT.

Người đại diện theo Pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Hồng Văn